

Số: 58/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 13 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Vi Đức C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh P

* Bị đơn: Chị Vũ Thị O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng C – Chi nhánh huyện T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Anh T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T

Trụ sở giao dịch: Khu 4, thị trấn T, huyện T, P

- Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T, huyện T, P

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Thanh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu H, chức vụ: cán bộ tín dụng

Trụ sở: khu 4, thị trấn T, huyện T, P

- Ông Vi Bá C, sinh năm 1956 và bà Vi Thị N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, Khoản 1 Điều 59, Điều 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vi Đức C và chị Vũ Thị O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vi Đức C và chị Vũ Thị O thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2- *Về con chung*: Anh C và chị O thỏa thuận, kể từ ngày 06/5/2022, Chị Vũ Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Minh P, sinh ngày 14/8/2014; anh Vi Đức C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Minh H, sinh ngày 31/12/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Anh C và chị O đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3- *Về tài sản chung, công nợ chung, các bên tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau*:

2.3.1. *Về tài sản chung, vợ chồng có các tài sản chung như sau*:

- 01 diện tích đất 482,3m² (đất ở nông thôn và 282,3m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 183, tờ bản đồ số 59 tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 573250 do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14/5/2021 mang tên ông Vi Đức C và bà Vũ Thị O; Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ được xây dựng trên 02 thửa đất bao gồm 01 nửa ngôi nhà xây trên phần diện tích đất tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 59, còn một nửa ngôi nhà nằm trên diện tích đất 1103,2m² tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 59, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CDD009295 ngày 07/6/2016 mang tên ông Vi Bá C (Ngôi nhà được xây dựng từ năm 1994, ông C và bà N đã sửa chữa lại từ tháng 1/2022).

- 01 diện tích đất 172,4m² (đất ở đô thị), thửa đất số 279, tờ bản đồ số 23 tại khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 906839 do UBND huyện T, tỉnh P cấp ngày 08/11/2017 mang tên ông Vi Đức C và bà Vũ Thị O); Trên đất có tài sản là 01 nhà xây 2 tầng, mỗi sàn có diện tích xây dựng khoảng 100m².

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, Biển kiểm soát 19A-397.48. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 19 008782 do Công an tỉnh P cấp ngày 06/10/2021 mang tên chủ xe Vũ Thị O.

2.3.2. Về công nợ chung, vợ chồng còn nợ như sau:

- Nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn) tiền nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng (theo Hợp đồng tín dụng số 756, ngày 05/10/2021 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T và chị Vũ Thị O, anh Vi Đức C)

- Nợ Ngân hàng C – chi nhánh huyện T số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/5/2022 là 187.500.000đ (Một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và lãi suất phát sinh.

2.3.3. Khi ly hôn, các bên tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nghĩa vụ về công nợ và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận cụ thể:

** Về tài sản:*

a) Anh Vi Đức C được sở hữu và sử dụng tài sản gồm: 01 diện tích đất 482,3m² (đất ở nông thôn và 282,3m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 183, tờ bản đồ số 59 tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 573250 do UBND huyện T, tỉnh P cấp ngày 14/5/2021 mang tên ông Vi Đức C và bà Vũ Thị O.

Đối với tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ được xây dựng trên 02 thửa đất bao gồm 01 nửa ngôi nhà xây trên phần diện tích đất 482,3m² tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 59, còn một nửa ngôi nhà nằm trên diện tích đất 1103,2m² tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 59: anh Vi Đức C và ông Vi Bá C, bà Vi Thị N thống nhất sử dụng chung và tự phân chia tài sản trên đất. Sau này nếu có tranh chấp, anh C, ông C và bà N sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ việc khác.

b) Chị Vũ Thị O được sử dụng và sở hữu tài sản gồm:

- 01 diện tích đất 172,4m² (đất ở đô thị), thửa đất số 279, tờ bản đồ số 23 tại khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 906839 do UBND huyện T, tỉnh P cấp ngày 08/11/2017 mang tên ông Vi Đức C và bà Vũ Thị O); Trên đất có tài sản là 01 nhà xây 2 tầng, mỗi sàn có diện tích xây dựng 100m².

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, Biển kiểm soát 19A-397.48. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 19 008782 do Công an tỉnh P cấp ngày 06/10/2021 mang tên chủ xe Vũ Thị O

Về đồ dùng sinh hoạt trong nhà, hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Về công nợ:*

Chị Vũ Thị O có nghĩa vụ trả các khoản nợ gồm:

- Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn) tiền nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng (theo Hợp đồng tín dụng

số 756, ngày 05/10/2021 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T và chị Vũ Thị O, anh Vi Đức C). Thời hạn chị O có nghĩa vụ trả khoản nợ này chậm nhất là ngày 12/5/2022 (trước khi Quyết định của Tòa án nhân dân huyện T có hiệu lực pháp luật - do khoản nợ được bảo đảm tài sản thế chấp là 482,3m² (đất ở nông thôn và 282,3m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 183, tờ bản đồ số 59 tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P)

(xác nhận chị Vũ Thị O đã trả xong khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T vào ngày 12/5/2022)

- Ngân hàng C – chi nhánh huyện T số tiền nợ gốc là 187.500.000đ (Một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) và lãi suất phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

((xác nhận chị Vũ Thị O đã trả xong khoản nợ của Ngân hàng C – phòng giao dịch huyện T vào ngày 12/5/2022)

Chị O và anh C không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản cho nhau.

2.4. Về công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Vi Đức C tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003389 ngày 21/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Hoàn lại cho anh Vi Đức C 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã Đông Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan

